



SO SÁNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH GIỮA MÔ HÌNH ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT VÀ MÔ HÌNH KHÔNG ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG SẢN XUẤT LÚA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Hà Vũ Sơn¹ và Dương Ngọc Thành²

¹ Văn phòng Thành ủy Cần Thơ

² Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 18/06/2014

Ngày chấp nhận: 29/08/2014

Title:

Comparison the financial efficiency between model of applied advanced techniques and model unapplication advanced techniques in rice production of farmers in the Mekong Delta

Từ khóa:

Ứng dụng, tiến bộ kỹ thuật, hiệu quả tài chính, sản xuất lúa

Keywords:

Application, advanced techniques, financial efficiency, rice production

ABSTRACT

This study was conducted to compare the financial efficiency between model of applied advanced techniques (AAT) and model unapplication advanced techniques (UAT) in rice production of farmers in the Mekong Delta (MD). The data were collected from 750 rice farmers in the provinces of the MD. Analysis of financial ratios and Independent Simple T-test were applied in this research. The results showed that AAT model achieved more financial performance than UAT model. The indicators such as: total cost, productivity, revenue and profit of AAT model were also higher UAT model. This is an important basis for the locals continue to promote application of advanced techniques in rice production, contributing to increased productivity, increase profitability, enhance revenue integration and improve the lives of rice farmers in the MD. Besides analyzing the results, the researcher also proposed some recommendations for stakeholders in rice production to improve efficiency of application advanced techniques toward cultivating of farming households. The recommendations towards objects, including: farmers, local governments and agencies, organizations institutes and universities.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm so sánh hiệu quả tài chính giữa mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (ÚDTBKT) và mô hình không ÚDTBKT trong sản xuất lúa của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Số liệu phục vụ nghiên cứu được thu thập từ 750 nông hộ sản xuất lúa thuộc các tỉnh khu vực ĐBSCL. Ứng dụng phương pháp các tỷ số tài chính và kiểm định trung bình giữa hai tổng thể độc lập, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, mô hình sản xuất lúa có ÚDTBKT đạt hiệu quả tài chính cao hơn so với mô hình không ÚDTBKT. Các chỉ tiêu như: tổng chi phí, năng suất, doanh thu và lợi nhuận của mô hình sản xuất có ÚDTBKT đều cao hơn mô hình không ÚDTBKT. Đây là cơ sở quan trọng để các địa phương đẩy mạnh công tác ÚDTBKT trong sản xuất lúa, góp phần tăng năng suất, tăng lợi nhuận, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho nông hộ sản xuất lúa ở ĐBSCL. Bên cạnh kết quả phân tích, nghiên cứu còn đề xuất một số kiến nghị đối với các đối tượng liên quan trong sản xuất lúa của vùng nhằm nâng cao hiệu quả ÚDTBKT trong hoạt động canh tác của nông hộ. Các kiến nghị hướng đến các đối tượng bao gồm: nông hộ, chính quyền địa phương và các cơ quan ban ngành, các tổ chức viện, trường.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bằng sông Cửu Long, với thế mạnh về sản xuất lúa, thời gian qua đã có nhiều đóng góp quan trọng cho an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu gạo của cả nước. Nổi bật và có ý nghĩa nhất đối với sản xuất lúa trong vùng là sản lượng lúa tăng nhanh, đạt qui mô sản xuất lúa hàng hóa lớn, đóng góp trên 50% sản lượng, 90-95% lượng gạo xuất khẩu. Tuy nhiên, một trong những vấn đề lớn nhất mà vùng đang phải đối mặt là tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu làm cho mực nước biển dâng cao gây ngập úng sâu và lâu hơn, nước mặn xâm nhập nhiều. Mặt khác, do thâm canh tăng vụ, nông dân sử dụng quá nhiều phân bón vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật nên sâu bệnh và ô nhiễm môi trường cũng đang tạo ra áp lực lớn cho hoạt động sản xuất. Do đó, ngành nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long đã sớm tiếp cận và đang triển khai các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp nhằm giúp nông hộ giải quyết khó khăn, đảm bảo phát triển bền vững. Nhiều chương trình hỗ trợ nông dân tiếp cận các phương pháp và mô hình sản xuất mới như: IPM, chương trình FPR, chương trình 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, nhận chuyển giao kỹ thuật của IRRI “tưới tiết kiệm nước”,...

Việc áp dụng các mô hình sản xuất hiện đại vào canh tác lúa không những giúp bà con nông dân tăng năng suất, chất lượng và lợi nhuận mà còn góp phần giảm chi phí sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hướng tới thâm canh sản xuất theo “thực hành nông nghiệp tốt-GAP”, đồng thời thích ứng biến đổi khí hậu toàn cầu và xây dựng một nền sản xuất nông nghiệp bền vững. Tác động tích cực của tiến bộ kỹ thuật được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước xác định, một số tác giả điển hình như Khuda. B, Ishtiaq. H và Asif. M (2005), Flordeliza H.Bordey (2004), Aldas Janaiah, M V Srinivasa Gowda và P.G Chengappa (2003), Đỗ Thị Diệp và Nguyễn Văn Nhiễm (2010), Huỳnh Trường Huy (2007), Nguyễn Quốc Nghi (2010). Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu với qui mô lớn đánh giá về hiệu quả tài chính của việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa. Theo đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm so sánh hiệu quả tài chính của mô hình sản xuất lúa có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, từ đó khẳng định lợi ích của yếu tố tiến bộ kỹ thuật đối với sản xuất. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp những luận cứ khoa học cho ngành nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long để có giải pháp triển khai và ứng dụng hiệu quả tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa nói riêng và ngành nông nghiệp nói chung.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Để đảm bảo tính khoa học, tính đại diện của số liệu, phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên được sử dụng để tiến hành thu thập số liệu. Các tiêu chí được chọn phân tầng: địa bàn hành chính và đặc điểm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua tiến trình sau:

Bước 1: Liên hệ địa điểm điều tra chọn vùng nghiên cứu: Tác giả xin ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp, cán bộ quản lý ở địa phương (lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư các tỉnh An Giang, Hậu Giang và Kiên Giang) để chọn địa bàn nghiên cứu. Sau khi được tư vấn, tác giả quyết định chọn địa bàn nghiên cứu gồm: tỉnh An Giang với các huyện Chợ Mới, Châu Phú, Tri Tôn; tỉnh Hậu Giang với các huyện Phụng Hiệp, Long Mỹ, Châu Thành, Vị Thanh; và tỉnh Kiên Giang với các huyện Tân Hiệp, Hòn Đất, An Biên. Tác giả tiến hành liên hệ các huyện thuộc tỉnh An Giang để xác định cụ thể thời gian và địa điểm nghiên cứu.

Bước 2: Thực hiện điều tra thử: Sau khi đã có phiếu điều tra soạn sẵn, tác giả tiến hành điều tra thử để kiểm tra tính phù hợp của phiếu điều tra, đồng thời hiệu chỉnh phiếu điều tra phù hợp với điều kiện thực tế ở 3 vùng.

Bước 3: Thực hiện điều tra chính thức: Sau bước thực hiện điều tra thử và hiệu chỉnh phiếu điều tra, tác giả tiến hành điều tra chính thức. Tổng số phiếu điều tra chính thức là 750 quan sát, cụ thể địa điểm và cơ cấu mẫu được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1: Cơ cấu mẫu điều tra phân theo địa bàn nghiên cứu

Tỉnh	Huyện	Tần số (hộ)	Tỷ lệ (%)
Kiên Giang	Tân Hiệp	83	11,07
	Hòn Đất	96	12,80
	An Biên	71	9,48
An Giang	Châu Phú	105	14,00
	Tri Tôn	63	8,41
	Chợ Mới	82	10,94
Hậu Giang	Phụng Hiệp	77	10,27
	Long Mỹ	74	9,87
	Châu Thành	49	6,53
	Vị Thanh	50	6,67
Tổng cộng		750	100,00

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013

2.2 Phương pháp phân tích

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp thống kê mô tả với các chỉ tiêu nghiên cứu (số trung bình, tỉ lệ, tần suất...) để phân tích tình hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa của hộ trồng lúa. Phương pháp phân tích các tỷ số tài chính và phương pháp kiểm định Independent Samples T-Test được sử dụng để so sánh hiệu quả tài chính giữa mô hình sản xuất lúa có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và mô hình sản xuất lúa không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

Nhiều nhà nghiên cứu kinh tế cho rằng, tiến bộ kỹ thuật là một tập hợp những kỹ thuật sẵn có hoặc trình độ kiến thức về mối quan hệ giữa các yếu tố đầu vào và sản lượng đầu ra bằng vật chất nhất định. Còn đổi mới công nghệ là cải tiến trình độ kiến thức sao cho nâng cao được năng lực sản xuất để có thể làm ra nhiều sản phẩm hơn với số lượng đầu vào như cũ hoặc làm ra một lượng sản phẩm như cũ với khối lượng đầu vào ít hơn. Nhiều đổi mới công nghệ trong nông nghiệp còn nhằm để tiết

kiệm lao động, tiết kiệm đất đai (Schultz, 1953; Griliches, 1958). Phần lớn những tiến bộ kỹ thuật áp dụng vào sản xuất đều tạo ra khả năng đạt được mục tiêu kinh tế do xã hội đặt ra như năng suất, đồng thời nó cũng tạo ra những hiệu quả xã hội khác như cải thiện điều kiện sống, cải tạo môi trường sinh thái. Trong phạm vi của nghiên cứu này, tiến bộ kỹ thuật được thể hiện dưới các dạng chủ yếu như: áp dụng giống mới, thay đổi quy trình, kỹ thuật sản xuất, thay đổi các nguồn lực đầu vào, hoặc kết hợp các mô hình trong quá trình sản xuất.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Nguồn lực của nông hộ sản xuất lúa

Nguồn lực của nông hộ được mô tả qua các chỉ tiêu như: diện tích canh tác, lực lượng lao động, trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất,... Theo kết quả khảo sát, một số thông tin về đặc điểm nguồn lực sản xuất của nông hộ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2: Đặc điểm về nguồn lực sản xuất của nông hộ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Tổng diện tích đất	1.000m ² /hộ	26,45	28,67
2	Diện tích canh tác lúa	1.000m ² /hộ	25,51	28,63
3	Thành viên trong gia đình	Người/hộ	4,59	1,30
4	Lao động trực tiếp sản xuất lúa	Người/hộ	2,01	1,04
5	Số năm đến trường của chủ hộ	Năm	7,42	3,02
6	Số năm sống tại địa phương	Năm	39,49	14,38
7	Kinh nghiệm sản xuất lúa	Năm	21,99	10,38
8	Tỷ lệ nông hộ thiếu vốn	(%)	79,6	0,396

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013

Theo kết quả nghiên cứu cho thấy, tổng diện tích đất sản xuất của nông hộ khá lớn, trung bình là 26.450 m²/hộ và phần lớn diện tích này dùng để canh tác lúa (25.510 m²/hộ). Số nhân khẩu trung bình của mỗi gia đình hiện nay không nhiều, trong đó gần một nửa tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất lúa. Trình độ học vấn của nông hộ tương đối thấp (khoảng lớp 7) nhưng thực tế khi tiếp xúc, khả năng nhận thức của nông hộ rất tiến bộ, các phương tiện truyền thông phần nào đã giúp nông hộ nắm bắt thông tin thị trường và thông tin tiến bộ kỹ thuật nhanh nhạy hơn, hộ nông dân sản xuất lúa họ tin và mạnh dạn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa. Bên cạnh đó, với kinh nghiệm nhiều năm sản xuất lúa (22 năm), nông hộ đã có nhiều kinh nghiệm chọn giống thích hợp với điều kiện đất đai, trình độ thâm canh tăng vụ cũng tăng lên, kỹ thuật chăm sóc cây lúa cũng tốt hơn. Tuy nhiên, tỷ lệ nông hộ thiếu vốn đầu tư sản xuất vẫn còn khá nhiều (79,6%), do các tổ chức tín dụng hạn chế cho

hộ trồng lúa vay, do quy định hạn mức đối với sản xuất nông nghiệp là rất thấp, ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất lúa của nông dân. Nguyên nhân chính là do nông hộ không tiếp cận được với nguồn tín dụng chính thức do không có tài sản thế chấp, trong khi vay từ các nguồn phi chính thức thì nông hộ phải chịu mức lãi suất khá cao. Nguồn vay của nông hộ cũng khá đa dạng, từ tổ chức tín dụng chính thức (các ngân hàng) đến các đơn vị phi chính thức (cửa hàng vật tư nông nghiệp, người cho vay tư nhân), dẫn đến hiệu quả kinh tế chưa cao, ảnh hưởng đến đời sống người dân sản xuất lúa.

3.2 Tình hình tham gia tập huấn tiến bộ kỹ thuật

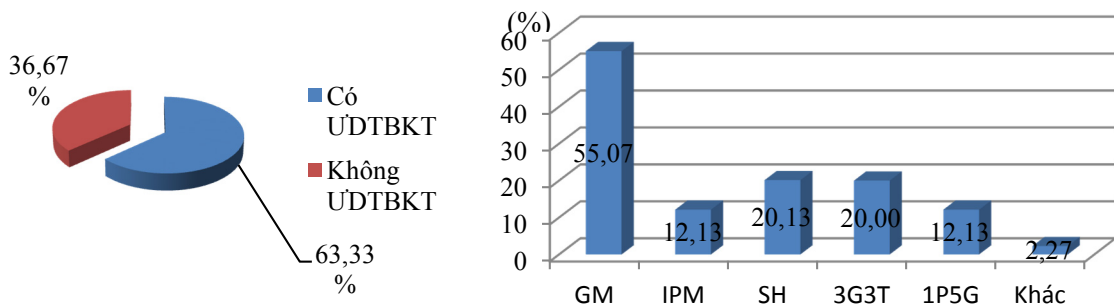
Theo kết quả khảo sát cho thấy, có 53,5% nông hộ thường xuyên tham gia tập huấn kỹ thuật sản xuất lúa. Đơn vị tổ chức các buổi tập huấn chủ yếu là công ty thuốc bảo vệ thực vật và hệ thống khuyến nông địa phương. Nội dung của các buổi

tập huấn kỹ thuật chủ yếu là hướng dẫn cho nông dân cách thức sản xuất các loại giống mới, kỹ thuật theo mô hình IPM, sạ hàng, 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm,... hướng dẫn cách dự báo, phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh,... Bên cạnh đó, phần lớn nông dân tham gia tập huấn chủ yếu dưới sự hướng dẫn trực tiếp của nhân viên thuộc công ty thuốc bảo vệ thực vật (50,67%). Ngoài ra, cán bộ khuyến nông (38,40%) cũng là một trong những lực lượng nông cốt trong phong trào phổ biến kỹ thuật mới và hướng dẫn kỹ thuật canh tác hiện đại đến nông hộ. Hơn thế, nông dân còn được chuyển giao tiến bộ kỹ thuật từ Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ, các Hội Nông dân. Những buổi tập huấn này thường diễn ra trên đồng ruộng, mang tính thực nghiệm hơn là truyền đạt thông tin.

Bảng 3: Đơn vị tổ chức tập huấn kỹ thuật

TT	Đơn vị tập huấn kỹ thuật	Số hộ (N)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty thuốc bảo vệ thực vật	380	50,67
2	Hệ thống khuyến nông địa phương	288	38,40
3	Viện/trường	82	10,93
4	Hội Nông dân	28	3,73
5	Đơn vị khác	18	2,40

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 2013



Hình 1: Tình hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật của nông hộ sản xuất lúa

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013

3.4 So sánh hiệu quả tài chính giữa mô hình sản xuất lúa có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

3.4.1 Phân tích chi phí sản xuất lúa của mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

Theo kết quả phân tích, không có sự chênh lệch đáng kể về chi phí đầu tư giữa mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và không ứng dụng tiến bộ kỹ

3.3 Tình hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa

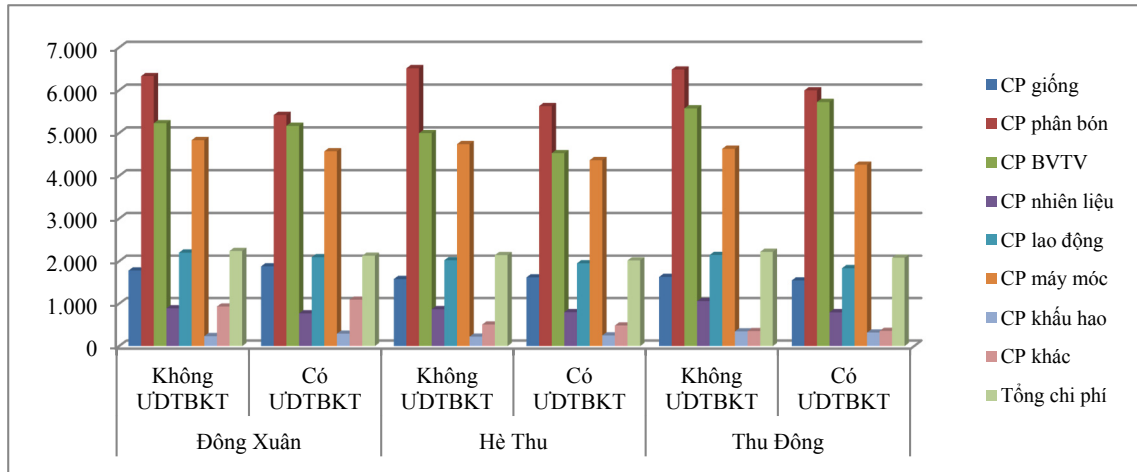
Kết quả khảo sát cho thấy, số nông hộ đã và đang ứng dụng các mô hình tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa chiếm 63,33% đối tượng được khảo sát. Trong đó, mô hình giống mới được nông hộ ứng dụng nhiều nhất (55,07%), tiếp đến là mô hình sạ hàng (20,13%), mô hình ba giảm ba tăng (20,0%), mô hình IPM (12,13%), mô hình 1 phải 5 giảm (12,13%) và một số mô hình khác như mô hình Năm xanh (Ma), 1 phải 6 giảm,... Thực tế khảo sát đã cho thấy, thời gian qua nông hộ đã nhận thức hiệu quả từ các phương thức canh tác mới, từ đó mạnh dạn thử nghiệm những mô hình tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất trong canh tác.

Bên cạnh việc ứng dụng từng mô hình tiến bộ kỹ thuật riêng lẻ, nông hộ sản xuất lúa còn ứng dụng kết hợp nhiều mô hình tiến bộ kỹ thuật. Đối với trường hợp nông hộ kết hợp 2 mô hình thì các mô hình được kết hợp phổ biến như: giống mới - sạ hàng (22,3%), giống mới - 3 giảm 3 tăng (19,9%), giống mới - IPM (9,6%), giống mới - 1 phải 5 giảm (8%), và một số mô hình khác. Kết hợp 3 mô hình: giống mới - sạ hàng - 3 giảm 3 tăng (8,4%), giống mới - 3 giảm 3 tăng - 1 phải 5 giảm (6%), giống mới - IPM - 1 phải 5 giảm (5,6%).

thuật trong sản xuất lúa. Cơ cấu chi phí giữa các mùa vụ cũng cho thấy chi phí phân bón và chi phí thuốc bảo vệ thực vật chiếm tỷ trọng lớn, tương ứng khoảng 30% và 24%. Chi phí máy móc cũng chiếm tỷ trọng không nhỏ, trung bình trên 20% trong cơ cấu chi phí. Thực tế hiện nay, cơ giới hóa trong nông nghiệp đã được ứng dụng khá rộng rãi ở nhiều khâu trong quá trình sản xuất như làm đất, bơm tác, thu hoạch,... vì vậy mà chi phí máy móc cũng góp phần quan trọng trong cơ cấu chi phí đầu tư. Song

song với việc tăng cường cơ giới hóa nông nghiệp, nông hộ sản xuất lúa đã giảm được chi phí thuê lao động nhiều hơn so với những năm trước đây, trung bình chi phí lao động chỉ còn khoảng 9%. Các loại chi phí còn lại như chi phí giống, chi phí nhiên liệu, chi phí khấu hao và thuế, phí,... lần lượt chiếm khoảng 8%, 4%, 1% và 3%. Tuy nhiên, nếu so sánh các loại chi phí đầu tư giữa mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và mô hình không ứng dụng tiến bộ

kỹ thuật, phần lớn các loại chi phí đầu tư của mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thấp hơn. Trong đó, chi phí khác biệt rõ nhất là chi phí phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Do mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật áp dụng các phương thức sản xuất mới, giúp tiết kiệm lượng phân bón, đồng thời công tác quản lý dịch bệnh tốt hơn nên chi phí thuốc bảo vệ thực vật cũng giảm rõ rệt.



Hình 2: Chi phí sản xuất của mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013

3.5 So sánh hiệu quả tài chính giữa mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa của nông hộ

Dựa vào số liệu khảo sát, tác giả sử dụng các tỷ số tài chính để đánh giá hiệu quả tài chính của mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, kết quả thể hiện trong Bảng 4.

Theo kết quả thống kê, mô hình sản xuất lúa có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đạt hiệu quả tài chính cao hơn mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật ở cả 3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông. Năng suất và giá bán của mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đều cao hơn nhóm không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Chính vì vậy mà các chỉ số về hiệu quả tài chính của mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cũng tốt hơn. Kết quả khảo sát còn cho thấy, hiệu quả tài chính của nông hộ sản xuất lúa ở vụ Đông Xuân tương đối cao hơn vụ Hè Thu và vụ Thu Đông. Yếu tố thời tiết vụ Đông Xuân là khoảng thời gian thích hợp nhất trong năm để cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt, đây là điều kiện thuận lợi của vụ Đông Xuân so với hai vụ còn lại. Vì thế, nếu chi phí đầu tư và diện tích canh tác thay đổi

không đáng kể thì hiệu quả tài chính của vụ Đông Xuân sẽ cao hơn hai vụ còn lại.

Để khẳng định sự khác biệt về hiệu quả tài chính giữa mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa có ý nghĩa thống kê hay không, tác giả đã sử dụng phương pháp kiểm định Independent Sample T-Test (Kết quả trong bảng...), theo kết quả kiểm định có thể kết luận rằng, có sự khác biệt về hiệu quả tài chính giữa mô hình sản xuất lúa có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật với mức ý nghĩa 5%. Các chỉ tiêu thể hiện sự khác biệt rõ rệt ở cả 3 vụ là tổng chi phí và tỷ suất lợi nhuận. Ở vụ Đông Xuân, hiệu quả tài chính của mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cao hơn nhiều so với mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật ở tất cả các chỉ tiêu. Tương tự như vụ Đông Xuân, mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật ở vụ Hè Thu có chi phí sản xuất thấp hơn mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Mặc dù, chênh lệch về doanh thu ở vụ này giữa mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật không lớn, nhưng do chi phí giảm nhiều hơn nên lợi nhuận đạt được vẫn cao hơn. Tuy

nhiên, so với vụ Đông Xuân thì vụ Hè Thu có hiệu quả tài chính thấp hơn, trong đó có sự khác biệt nhiều về năng suất và giá bán. Riêng vụ Thu Đông, kết quả kiểm định cho thấy không có sự khác biệt về giá bán, doanh thu và lợi nhuận giữa mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. So với hai vụ trước, Thu Đông là vụ sản xuất kém hiệu quả nhất, do đất đã bạc màu và

kém dinh dưỡng hơn. Vì thế, nhiều nông hộ thường không sản xuất vào vụ này cải tạo đất bằng cách phơi ải, luân canh hoa màu hoặc nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, ở vụ Thu Đông, mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa vẫn giảm được chi phí đầu tư và tăng năng suất so với mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

Bảng 4: Sự khác biệt về hiệu quả tài chính của mô hình có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

Khoản mục	Đông Xuân		Hè Thu		Thu Đông	
	ƯDTBKT		ƯDTBKT		ƯDTBKT	
	Không	Có	Không	Có	Không	Có
Tổng chi phí (triệu đồng/ha)	22,45	21,31	21,47	20,18	22,24	20,86
<i>Giá trị kiểm định t</i>		3,561		3,115		2,402
<i>Mức ý nghĩa</i>		0,000		0,000		0,017
Giá bán (ngàn đồng/kg)	4,723	4,966	4,719	4,969	5,214	5,026
<i>Giá trị kiểm định t</i>		-6,246		-6,276		-6,340
<i>Mức ý nghĩa</i>		0,000		0,000		0,176
Năng suất (tấn/ha)	7,304	7,752	6,440	6,344	5,980	5,880
<i>Giá trị kiểm định t</i>		-6,613		0,976		-0,690
<i>Mức ý nghĩa</i>		0,020		0,004		0,298
Doanh thu (triệu đồng/ha)	34,54	38,42	30,45	30,93	30,72	29,51
<i>Giá trị kiểm định t</i>		-8,546		1,828		0,657
<i>Mức ý nghĩa</i>		0,000		0,257		0,133
Lợi nhuận (triệu đồng/ha)	12,09	17,11	8,98	10,75	8,48	8,65
<i>Giá trị kiểm định t</i>		-9,685		-0,090		-0,412
<i>Mức ý nghĩa</i>		0,000		0,000		0,833
Lợi nhuận/tổng chi phí (lần)	0,585	0,854	0,460	0,550	0,395	0,445
<i>Giá trị kiểm định t</i>		-9,552		-0,179		-1,416
<i>Mức ý nghĩa</i>		0,009		0,000		0,005
Lợi nhuận/Doanh thu (lần)	0,337	0,433	0,270	0,330	0,254	0,263
<i>Giá trị kiểm định t</i>		-8,667		-1,574		-1,355
<i>Mức ý nghĩa</i>		0,015		0,000		0,004

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 2013

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1 Kết luận

Tóm lại, nghiên cứu đã chỉ ra những kết quả quan trọng sau đây: (1) *Thứ nhất*, Nhiều nông hộ sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long đã và đang ứng dụng các mô hình tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa (chiếm tỷ lệ 63,33%). Các mô hình tiến bộ kỹ thuật mà nông hộ ứng dụng chủ yếu gồm: GM, IPM, SH, 3G3T, 1P5G,... trong đó, mô hình GM được nông hộ chọn ứng dụng nhiều nhất. (2) *Thứ hai*, việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho nông hộ, hay nói cách khác hiệu quả tài chính của các mô hình sản xuất có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cao hơn mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Tuy nhiên, nông hộ cần chọn lọc, sử dụng hợp lý các

điểm mạnh của từng mô hình để việc sản xuất có hiệu quả hơn.

4.2 Đề xuất

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả có một số đề xuất sau đây:

Đối với nông hộ: Nông hộ nên tích cực tham gia các lớp tập huấn tiến bộ kỹ thuật, tham gia học hỏi, trao đổi kinh nghiệm sản xuất lúa của các nông hộ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đạt hiệu quả. Đồng thời không ngừng nâng cao kiến thức sản xuất lúa bằng cách tìm đọc sách báo, nghe đài, tivi... về những mô hình tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất lúa. Trong quá trình ứng dụng các mô hình tiến bộ kỹ thuật, nông hộ cần cố gắng đầu tư và duy trì sản xuất. Nếu gặp khó khăn do chưa nắm rõ kỹ thuật mới thì nên tìm cán bộ khuyến nông, cán bộ nông nghiệp để tư vấn, nếu thấy hiệu quả không đạt do

không thích hợp sử dụng mô hình tiến bộ kỹ thuật đó thì nên nghiên cứu, tham khảo ý kiến của cán bộ khuyến nông để chọn ứng dụng mô hình tiến bộ kỹ thuật khác có hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, nông hộ cần tích cực tham gia các câu lạc bộ, hội đoàn thể, tổ hợp tác liên kết nhằm chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất lúa, hỗ trợ nguồn lực trong sản xuất lúa và tìm đầu ra cho sản phẩm thuận lợi hơn.

Đối với chính quyền địa phương và các cơ quan ban ngành: Tăng cường công tác khuyến nông, mở các lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân, tăng cường việc cử cán bộ khuyến nông xuống các xã trực tiếp hướng dẫn, giải đáp cho nông dân về tiến bộ kỹ thuật; các ban ngành có liên quan tích cực phối hợp và chỉ đạo công tác khuyến nông, hợp tác sản xuất, tổ chức trao đổi kinh nghiệm UDTBKT trong sản xuất lúa.

Đối với các tổ chức viện, trường: Tăng cường công tác nghiên cứu nhằm lai tạo nhiều giống mới có năng suất cao, phù hợp với điều kiện của địa phương và ít nhiễm sâu bệnh để nông dân chấp nhận và sẽ sản xuất đại trà. Đồng thời các viện, trường cần soạn thảo những giáo trình, bài giảng về phương pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sinh động, hấp dẫn và dễ hiểu nhằm giúp nông hộ sản xuất lúa tiếp cận nhanh chóng và dễ dàng ứng dụng trong thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aldas Janaiah, M V Srinivasa Gowda, and P.G Chengappa, 2003. Profitability of Hybrid Rice Cultivation. Economic & Political, Vol XXXVIII, No.25, pp.178-189.

2. Đỗ Thị Diệp, Nguyễn Văn Nhiễm, (2010). “Đánh giá sự tiếp thu và ứng dụng kỹ thuật IPM của nông dân sản xuất lúa tại huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình”. Tạp chí Khoa học và Phát triển, Trường Đại học Nông nghiệp, tập 8 số 3:519-528.
3. Flordeliza H.Bordey, (2004). “Socio-economic evaluation of hybrid rice production in the Philippines”. Philippine Rice Research Institute, Maligaya Science of Muñoz, Nueva Ecija, Philippines.
4. Griliches, Z. 1958. Research cost and social returns: Hybrid corn and related innovations. Journal of Political Economy, Vol 66 (5), pp. 419-31.
5. Huỳnh Trường Huy, (2007). “Phân tích tác động của khoa học kỹ thuật đến hiệu quả sản xuất lúa tại Cần Thơ và Sóc Trăng”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Đại học Cần Thơ.
6. Khuda. B, Ishtiaq. H và Asif. M, (2005). “Impact assessment Of Zero-Tillage Technology In Rice-Wheat System: A Case Study From Pakistani Punjab”. Faculty of Agricultural Economics and Rural Sociology, University of Agriculture, Faisalabad.
7. Nguyen Quoc Nghi, (2010). “On Efficiency of Application of Technical Advances to Agriculture: The Case of Rice Production in Thanh Binh - Hong Ngu of Dong Thap province”. Economic Development Review; Number 190 - 2010.
8. Schultz, T.W, 1953. The economic organization of agriculture. New York: McGraw-Hill.